

ĐẶC ĐIỂM THƠ TỰ DO TRẦN ĐĂNG KHOA (QUA TẬP THƠ *BÊN CỬA SỔ MÁY BAY*)

La Nguyệt Anh¹, Trịnh Thị Duyên², Hoàng Thu Huyền²,
Vũ Thị Thanh Huyền²

Tóm tắt: Thơ tự do luôn có ưu thế riêng trong biểu đạt cảm xúc, phóng khoáng, linh hoạt trong thể thức. Chính vì thế, thơ tự do là sự lựa chọn của nhiều thi nhân thế giới và Việt Nam. Trong tập *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa, thể thơ này xuất hiện với tần suất lớn (18/26 bài). Trong Ngữ văn 11 – Bộ sách Cánh diều, bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* của Trần Đăng Khoa được lựa chọn làm ngữ liệu đọc hiểu về thơ tự do. Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát thống kê và phân tích tổng hợp để tìm hiểu một số đặc điểm thơ tự do của Trần Đăng Khoa. Bài báo góp phần giúp định hướng cho học sinh vận dụng tri thức để đọc hiểu thơ tự do nói chung và hiểu hơn về thơ tự do trong tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa.

Từ khóa: Thơ tự do, tập thơ *Bên cửa sổ máy bay*, đặc điểm thơ tự do Trần Đăng Khoa

1. MỞ ĐẦU

Trần Đăng Khoa là một trong những cây bút độc đáo của nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Bằng tài năng thiên bẩm cùng sự nghiêm túc trong sáng tạo nghệ thuật, chỉ trong khoảng thời gian ngắn nhà thơ đưa đến cho độc giả một khối lượng tác phẩm đồ sộ. Cùng với đó, ông không ngừng tìm kiếm những địa hạt mới để mỗi sáng tác của ông đều có sự chuyển biến, vận động tích cực và tạo được dấu ấn riêng. Tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* là minh chứng thuyết phục cho điều này, nó đánh dấu hình ảnh mới mẻ và trưởng thành của nhà thơ – chiến sĩ Trần Đăng Khoa. Đồng thời, thông qua những bài thơ tự do đầy phóng khoáng trong tập thơ này, người đọc sẽ có cái nhìn sâu sắc về biển đảo Tổ quốc cũng như hình ảnh người chiến sĩ hải quân thời bình.

Hành trình từ “*Góc sân và khoảng trời*”⁽³⁾ để đến với góc nhìn rộng hơn, bao quát hơn trong một không gian mới – “*Bên cửa sổ máy bay*”⁽⁴⁾ của Trần Đăng Khoa từng nhận về nhiều ý kiến trái chiều. Một số độc giả cho rằng hình ảnh “góc sân” hấp dẫn và thu hút người đọc hơn. Nhưng họ quên rằng nhà thơ của chúng ta không thể là cậu thiếu niên

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

² Sinh viên, K46B, Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

³ Tên tập thơ của Trần Đăng Khoa

⁴ Tên tập thơ của Trần Đăng Khoa

đứng mãi trong góc sân nhà. Trần Đăng Khoa phải lớn lên, tạm biệt hành trình thơ ca của cậu bé thần đồng để khoác lên mình màu áo lính đến với góc nhìn có nhiều trải nghiệm, chiều sâu và phóng khoáng hơn. Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu *Một số đặc điểm thơ tự do của Trần Đăng Khoa (Qua tập thơ Bên cửa sổ máy bay)* để khẳng định đầy đủ hơn về đóng góp của Trần Đăng Khoa trong thơ ca Việt Nam đương đại.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Những vấn đề chung về thơ tự do và thơ tự do Việt Nam

Từ lâu, thơ ca đã trở thành loại hình nghệ thuật gắn liền với đời sống tinh thần con người đất Việt. Thơ là dòng chảy ngọt ngào của cảm xúc, thanh lọc tâm hồn người đọc thông qua lăng kính phản chiếu đời sống và cấu trúc ngôn từ đặc sắc. Qua mỗi giai đoạn, các hình thức sáng tác không ngừng chuyển biến, xuất hiện những cách thức thể hiện mới. Sự xuất hiện của thơ tự do cho thấy nhà thơ không còn thu mình trong quy tắc, luật lệ cũ mà tìm đến những cách thể hiện mới để sáng tạo. Thơ tự do phá vỡ sự gò bó về niêm, luật, nó gần với tiếng nói thông thường của con người, tạo cho người viết không gian khám phá vô hạn, sự linh hoạt về vần, nhịp, số chữ, số câu trong một bài thơ. Tác giả Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức trong cuốn *Thơ ca Việt Nam – hình thức và thể loại* cho rằng: “*Khi nói đến thơ tự do là muốn nói đến một thể thơ ít bị ràng buộc nhất về mặt vần điệu, về sự hạn định câu và cho tác giả có điều kiện diễn tả đối tượng một cách thích hợp nhất, cho tứ thơ thoát lên bay bổng, cho nhịp điệu thơ phục vụ đắc lực nhất việc biểu hiện nội dung*” [4, tr.337-338]. Từ lí luận đến thực hành thơ đều cho thấy sự linh hoạt trong thể thức, cấu trúc và hình thức thơ tự do. Bước vào vùng đất mang tên thơ tự do, người nghệ sĩ thoả sức bộc lộ rung cảm tinh tế của trái tim, những chiêm nghiệm đời sống phong phú. Tuy nhiên, đã là một thể thơ, thơ tự do vẫn có quy ước riêng, “Tự do không có nghĩa là muốn làm gì thì làm” (Xuân Diệu), người bút cần đặt ra những kỉ luật riêng, linh động, chú ý tới nhịp điệu, tạo sự hài hòa về mặt ngôn từ và tiết chế cảm xúc biểu đạt.

Thơ tự do xuất hiện từ rất lâu trong dòng chảy thơ ca thế giới. Ở phương Đông, tiêu biểu là từ thời nhà Hán Trung Quốc đã xuất hiện lối thơ Cổ thể không giới hạn câu chữ, đôi khi câu ngắn dài không đều, thơ không quy định niêm, luật, đối ngẫu. Đây được xem như lối thơ tương đối gần với thơ tự do. Về sau, khi thơ Cận thể đã phát triển, thì bên cạnh những bài thơ luật, những bài thơ không theo niêm luật, không hạn chế số câu, chữ đều được xếp vào lối Cổ thi. Có thể kể đến những bài tiêu biểu như *Binh xa hành* của Đỗ Phủ, *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị, ... Ở phương Tây, lối thơ tự do dần được hình thành tại nước Anh vào khoảng thế kỉ XVI. Những vần thơ tự do xuất hiện gián tiếp trong vở kịch của William Shakespeare (1564 – 1616) đóng vai trò giúp cho lời kịch của nhân vật trở nên gần gũi. Vào thế kỉ XVIII, ở Đức, thơ tự do xuất hiện và duy trì như một thể loại

riêng biệt qua sáng tác của J.W von Goethe (1749 – 1832) – một tác gia tiêu biểu của văn chương thế giới. Ông sử dụng thơ tự do khẳng định ý chí kiên cường của người tham gia trào lưu nghệ thuật “*Bão táp và xung kích*”. Đồng thời J.W von Goethe muốn thông qua thể thơ này bày tỏ khát vọng tình yêu của một hồn thơ yêu đời. Đến thế kỷ XX, thơ tự do được các nhà thơ hiện đại biết đến nhiều hơn bởi nó đáp ứng nhu cầu bộc lộ cảm xúc và không quá cầu thúc về luật lệ. Như vậy, ở châu Âu, thơ tự do đã có một quá trình phát triển lâu dài. Khoảng thời gian này đủ để thơ tự do hình thành, ổn định cả về mặt hình thức lẫn nội dung, giúp nó khẳng định được vị thế của mình so với các thể loại thơ khác. Những bài thơ như *Công bằng tốt đẹp (Bonne justice)*, *Tự do II (Liberté)* của Paul Éluard (1895-1952) – nhà thơ Pháp, *Bài thơ 4*, *Bài thơ 12*, *Sonnet 22* của Pablo Neruda (1904-1973) – chính trị gia - nhà thơ Chi Lê... là những vần thơ tự do tuyệt diệu đã đi vào trí nhớ của độc giả bởi tư tưởng và phong cách khoáng đạt.

Tại Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, cùng với luồng “mưa Âu, gió Á”, một quá trình giao lưu văn hóa mới tràn vào nước ta đã tác động đến nhận thức, tình cảm của đội ngũ văn nghệ sĩ đương thời. Họ dần thoát ra khỏi những quy phạm thơ nghiêm ngặt, để tự do biểu đạt những cảm xúc mới. Tuy nhiên đây mới chỉ là những mầm mống hình thành nên thể thơ tự do. Thể thơ này chính thức xuất hiện từ phong trào thơ Mới (1932 - 1945), được xem như bước chuyển mình phá vỡ những quy phạm của thơ cũ. Người khởi xướng là Phan Khôi với bài thơ *Tình già*, thi phẩm không bị ràng buộc bởi vần điệu, số câu, số chữ. Tiếp bước theo sau là Thế Lữ với bài thơ tự do *Tiếng trúc tuyệt vời*, *Cây đàn muôn điệu*,... Lưu Trọng Lư với *Hoa bên đường*, *Xuân về*,... Xuân Diệu với *Vội vàng*, *Sầu*... Ý thức tự do trong sáng tạo cùng năng lượng cảm xúc dồi dào khiến các nhà thơ mới tìm đến cách diễn đạt và hình thức thể hiện mới. Thơ Mới vươn tới sự linh hoạt nhất trong việc diễn tả tâm tư tình cảm của chủ thể trữ tình. Tuy nhiên, bên cạnh những cách tân, về cơ bản thơ tự do trong thơ Mới vẫn chưa vượt thoát được sự du dương nội tại của vần điệu, vẫn chú trọng đến cách hiệp vần, dấu ấn điệu ngâm còn khá rõ. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, hiện thực phong phú của đời sống dân tộc đã khơi mạch cho thơ tự do tiếp tục phát triển. Thơ tự do gia tăng những phẩm chất mới, tràn ngập hơi thở của cuộc sống. Bước tiến mới của thơ tự do giai đoạn này chính là bỏ vần, đưa thơ đến gần lời nói hàng ngày. Những bài thơ tự do như *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh, *Đồng chí* của Chính Hữu, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Không nói*, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi là những minh chứng tiêu biểu cho xu hướng cách tân này... Các nhà thơ kháng chiến, đã đưa thơ tự do đến một địa hạt mới, cùng với xu hướng thơ không vần là sự gia tăng tính điệu nói trong tổ chức nội tại của thơ. Sau 1975, thơ tự do tiếp tục có nhiều đổi mới, nhất là những đổi mới trên phương diện cấu trúc. Sự linh hoạt trong cấu trúc hình thức, cách tổ chức dòng thơ, khổ thơ, nhịp điệu của bài thơ đã tạo ra năng lực mới trong diễn đạt

tình cảm, cảm xúc. Hãy lắng nghe tiếng lòng đầy suy tư của Trần Đăng Khoa, dòng hồi ức về quê hương, về tuổi thơ qua tiếng sáo diều vi vút: “*Tôi đã già đâu, vẫn còn thơ dại lắm – Như cây trúc gãy mọc trước ngõ người yêu – Những vui buồn của làng quê thoảng vào tôi cơn gió – Tôi lặng lẽ ngân lên như tiếng sáo diều...*” (Hồn quê – Trần Đăng Khoa). Còn đây là nỗi niềm trào dâng trong lòng Nguyễn Quang Thiều những chiều xa quê, những dòng thơ chảy dài miên man như dòng tâm tư của nhà thơ: “*Những chiều xa quê tôi mong dòng sông dâng lên ngang trời cho tôi được nhìn thấy – Cho đôi mắt nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bóng đến làm tổ được giữa nước mưa sông*” (Sông Đáy – Nguyễn Quang Thiều). Xu hướng nói lỏng câu trúc thơ tự do, văn xuôi hóa thơ thực sự đặc địa cho biểu đạt nguồn cảm xúc.

Có thể thấy, thơ tự do Việt Nam khởi lên từ phong trào thơ Mới, qua các chặng đường phát triển, lúc mờ nhạt lúc trở thành xu hướng và có những nhánh rẽ khác nhau. Với tư cách là một yếu tố hình thức nghệ thuật, thể thơ cũng sẽ không tĩnh tại, đứng yên, và nhất là sẽ không lặp lại mà luôn kế thừa và phát triển. Bởi thế, theo dõi sự phát của thơ tự do, không chỉ giúp chúng ta quan sát bước đi, sự phát triển của một thực thể nghệ thuật, đó cũng là điều cần thiết đóng góp một cái nhìn gợi mở những hướng tiếp cận và sự đồng sáng tạo.

2.2. Một số đặc điểm thơ tự do Trần Đăng Khoa (qua tập thơ *Bên cửa sổ máy bay*)

2.2.1. Cảm hứng và hình ảnh

Victor Hugo từng nói: “*Cái tâm thường là cái chết của văn chương nghệ thuật*”. Thật vậy, thiên chức mỗi người nghệ sĩ là sáng tác và họ có sứ mệnh cao cả hơn đó là sáng tạo. Tác phẩm văn chương không phải là con đường mòn. Sự sáng tạo, khám phá không ngừng của thi sĩ giúp con đường văn chương rộng mở, sống mãi và ghi dấu ấn trong lòng độc giả. Trần Đăng Khoa ý thức được điều này, đối với ông, văn chương là một công việc đòi hỏi sự nghiêm túc, bền bỉ và khả năng sáng tạo dồi dào. Với sự thông minh, nhạy cảm vốn có, ở tuổi lên 10, thần đồng thơ Trần Đăng Khoa đã mang đến thi đàn những vần thơ hồn nhiên với tư duy ngộ nghĩnh của trẻ thơ và dạt dào cảm xúc. Đến khi trưởng thành, thơ Trần Đăng Khoa trở nên sâu lắng và có nhiều đổi mới. Điều này được thể hiện rõ qua tập thơ *Bên cửa sổ máy bay*, Trần Đăng Khoa không còn là cậu bé “thần đồng” với điểm nhìn từ “góc sân” nhỏ. Cùng với sự trưởng thành, tuổi đời của người lính, thơ Trần Đăng Khoa cũng trải rộng ở một không gian mới. Không gian rộng lớn giữa bầu trời và biển đảo bao la đã nâng cánh hồn thơ của Trần Đăng Khoa. Những năm tháng nơi đảo xa, trong vai trò của người chiến sĩ biển đảo ngày đêm canh giữ vùng trời, vùng biển thiêng liêng của Tổ quốc, nhà thơ có thêm những trải nghiệm, càng yêu quý thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam.

Tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* gồm 26 bài thì có 18 bài viết theo thể thơ tự do (chiếm 69,2%). Dưới ngòi bút phóng khoáng của Trần Đăng Khoa, chùm thơ tự do trong tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* được khai thác ở nhiều góc độ. Nguồn cảm hứng trong thơ Trần Đăng Khoa khởi lên từ tình yêu với quê hương, thiên nhiên đất nước, lòng kính yêu người mẹ. Đặc biệt là dòng cảm xúc và sự trải nghiệm của nhà thơ trong hành trình trưởng thành với vai trò người lính đảo. Những dòng cảm xúc nồng nàn của Trần Đăng Khoa về biển đảo cũng mênh mông như đại dương, không bó hẹp hay theo khuôn mẫu nào. Tác giả đã đưa người đọc đến một góc nhìn thơ mộng về vùng lãnh hải thiêng liêng nhưng cũng đầy khắc nghiệt và dữ dội. Ở nơi ấy, “*mây treo ngang trời*” (*Thơ tình người lính biển*), “*sắc nước xanh ngời*” (*Hát về hòn đảo Chìm*), “*đảo tự giấu mình trong màu nước lam xanh*” (*Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài*)... Ở nơi ấy, “*Lều bạt chung chiêng giữa nước, giữa trời – Đến một cái gai cũng không sống được*” (*Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài*). Ở nơi ấy, “*Không phải lúc nào cũng bão*” nhưng “*Mỗi năm hàng trăm cơn bão*” (*Cây bão tấp đảo Nam Yết*) như thách thức. Cũng chính ở nơi khắc nghiệt đó, ta càng thấy được sức chịu đựng, khả năng sinh tồn của tự nhiên; nghị lực và ý chí của con người. Nhà thơ phải thốt lên đầy ngạc nhiên, thán phục trước khả năng của thiên nhiên, tầm vóc của con người nơi đây: “*Dáng cây sao mà dẻo dai – Vóc người sao mà bền bỉ*” (*Cây bão tấp đảo Nam Yết*). Đảo khơi xa không chỉ mang âm hưởng dữ dội của sóng biển mà nó còn là tiếng nói của trái tim hạnh phúc, là cảm xúc bồi hồi của tình yêu, là vị mặn của tấm lòng son sắt để nhà thơ – người lính trẻ luôn ngân vang điệp khúc: “*Biển một bên và em một bên*” (*Chút thơ tình của người lính biển*). Không gian biển cả bao la cũng chính là nơi chứa niềm tin của những người lính về một tương lai tươi sáng. Dù điều kiện sống thiếu thốn giữa đại dương mênh mông sóng vỗ, người lính vẫn luôn giữ niềm tin về một cuộc sống đủ đầy, một sự thay đổi: “*Có hạt thóc, củ khoai, ngọn rau muống luộc/ Có Viện nghiên cứu Hải dương học/ Có sân khấu xây*” (*Hát về hòn đảo Chìm*). Chính những thứ “sẽ có” vào một mai trong tưởng tượng của người lính đảo thêm một lần nữa cho chúng ta thấy sự khó khăn, thiếu thốn của nơi đây. Nhưng đó không chỉ là nỗi niềm mong mỏi về một cuộc sống với những sinh hoạt bình dị, mà vươn lên ở tầm khoa học “nghiên cứu Hải dương học” và nghệ thuật, có “sân khấu xây” chứ không phải “san hô kê thành sân khấu”. Những mong ước đó khiến không gian nơi đây trở nên lãng mạn và đậm chất trữ tình. Đây cũng là động lực tinh thần giúp người lính vượt qua khó khăn gian khổ, những thiếu thốn, sự khắc nghiệt ở nơi này để kiên tâm với nhiệm vụ và trọng trách bảo vệ lãnh hải của Tổ quốc. Bên cạnh hình ảnh thiên nhiên trữ tình, thơ mộng, nhà thơ cũng tái hiện lại hiện thực khắc nghiệt và dữ dội nơi hải đảo. Bằng cái nhìn chân thực nhưng không kém phần thi vị, Trần Đăng Khoa đã giúp chúng ta hình dung đặc điểm khí hậu, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, những khó khăn của người lính trên đảo Thuyền Chài:

“*Lều bạt chung chiêng giữa nước giữa trời/ Đến một cái gai cũng không sống được/ Sớm mở mắt, nắng lửa ngun ngút/ Đêm trong lều như trời trong mây...*” (*Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài*). Đảo Thuyền Chài chìm sâu trong đại dương xanh thẳm, nơi nhiều sóng nhiều gió mà nước ngọt thì thiếu và nguy hiểm luôn rình rập. Trần Đăng Khoa đã thi vị cái dữ dội của sóng gió qua hình ảnh thật lãng mạn: “*Lều bạt chung chiêng giữa nước trời*”. Đây là một hiện thực đầy khắc nghiệt phản ánh rõ nỗi vất vả của chiến sĩ. Ngay cả “*cái gai*” cũng khó tồn tại, vậy mà người lính đảo vẫn trụ vững trước sự hà khắc của tự nhiên, cái “*chung chiêng*” sóng nước. Để bảo vệ biển đảo, những người lính luôn phải đối mặt với nắng gió, những nguy hiểm và âm mưu của thế lực thù địch. Qua tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa, người đọc sẽ càng thấu hiểu những hy sinh, nỗi vất vả của người lính đảo. Mặc cho mưa giông bão tố, người lính vẫn cất vang tiếng hát chủ quyền đất nước: “*Ta đứng vững trên đảo xa sóng gió – Tổ quốc Việt Nam bắt đầu ở nơi này*” (*Lính đảo hát tình ca trên đảo*). Tình yêu đất nước đã giúp cho người lính biển đảo có thêm sức mạnh, ý chí đứng vững nơi đầu sóng, ngọn gió, chắc tay giữ súng bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

Đọc chòm thơ tự do trong tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa, độc giả có thể nhận thấy, cùng với cảm hứng nghệ thuật, thế giới hình ảnh độc đáo chính là điểm hấp dẫn của tập thơ. Trần Đăng Khoa đã sử dụng linh hoạt các kiểu hình ảnh. Trong đó, những hình ảnh thực xuất hiện với tần suất lớn, chứa đựng những thông báo, tái hiện sự kiện: “*Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng*” (*Thơ tình người lính biển*), “*Bão tan. Trời lại xanh biếc*” (*Cây bão tấp đảo Nam Yết*)... Bên cạnh hệ thống hình ảnh thực, nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh biểu tượng mang nhiều tầng ý nghĩa và tạo dấu ấn riêng. Hình ảnh thơ của Trần Đăng Khoa xây dựng dựa trên nhiều yếu tố: thiên nhiên, không gian, thời gian, địa danh, con người,... Bằng năng lực tổ chức độc đáo, thế giới hình ảnh trong tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa luôn gọi nhiều liên tưởng và đa nghĩa. Hình ảnh biển đảo tưởng chừng như khô khan, khó có thể khai thác thành một chủ đề đa màu sắc thì giờ đây nó đã được nhà thơ lồng ghép gắn với con người lính đảo, thiên nhiên và mang trở những ước mơ, khát vọng. *Hát về hòn đảo Chìm* là sự kết hợp giữa hình ảnh thực và hình ảnh tưởng tượng tạo nên một bài ca tràn đầy tinh thần lạc quan với những ước mơ, khát vọng:

“Ngày mai, đảo sẽ nhô lên
Sẽ có cuộc đời, sẽ có tên
Sẽ có con đường cho anh gặp em
Có ngôi nhà dưới vòm cây mát
Có nước ngọt. Đây là điều tuyệt nhất
...

*Có hạt thóc, củ khoai, ngọn rau muống luộc
 Có Viện nghiên cứu Hải dương học
 Có sân khấu xây
 Mây cánh kiến mở màn cho em hát
 Có tuổi trẻ và tình yêu. Đây là điều tuyệt nhất...”*

Từ hình ảnh thực về đảo Chìm, nhà thơ liên tưởng, xây dựng lên hình ảnh về một cuộc sống đầy đủ với tất cả mọi tiện nghi. Và thực tế đã trả lời, đảo chìm của chúng ta hôm nay và mãi sau này sẽ luôn là lá chắn kiên cố, tượng đài bất khuất giữa biển đông.

Từ cảm hứng ngợi ca bức tranh thiên nhiên biển đảo, tác giả đồng thời vẽ nên bức chân dung biển đảo khắc nghiệt và yên lành, người lính biển đảo kiên cường, lạc quan. Dù trải qua muôn vàn khó khăn nhưng chính tình yêu đối với đất nước, ý thức về chủ quyền đã giúp cho người lính biển đảo có thêm sức mạnh ý chí để chiến đấu với mọi khắc nghiệt nơi đây. Các bài thơ viết về biển đảo trong tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* của Trần Đăng Khoa như một bản tuyên ngôn của thi ca với thông điệp tình yêu Tổ quốc và sứ mệnh công dân. Vậy bên dòng cảm xúc nồng nàn và những hình ảnh chân thực, điều gì làm nên sức hấp dẫn trong chùm thơ tự do của Trần Đăng Khoa?

2.2.2. Ngôn ngữ và tổ chức bài thơ

Hành trình sáng tạo thi ca của Trần Đăng Khoa từ góc sân ra khoảng trời bao la “bên cửa sổ máy bay” cũng là hành trình đổi mới ngôn ngữ thơ của tác giả. Từ những bài thơ mang dáng vẻ đồng dao với những dòng thơ ngắn, thường 4 chữ hoặc 5 chữ và sử dụng kết cấu vòng tròn trong *Góc sân và khoảng trời* đến những vần thơ tự do trong tập *Bên cửa sổ máy bay* cho thấy sự thay đổi trong cách sử dụng ngôn ngữ của Trần Đăng Khoa. Bạn đọc nhiều thế hệ sẽ không thể quên những bài thơ với cảm xúc trong veo, ngôn ngữ vô cùng giản dị: “*Trăng ơi... từ đâu đến? - Hay từ cánh rừng xa - Trăng hồng như quả chín - Lặng lơ lên trước nhà*” (*Trăng ơi... từ đâu đến?*). Vàng trắng nơi *Góc sân và khoảng trời* mang đậm dấu ấn tư duy của một nhà thơ thiếu nhi, bộc lộ sự ngộ nghĩnh trẻ thơ, mang theo cả sự ngỡ ngàng và khao khát tìm hiểu thế giới tự nhiên. Từ một điểm nhìn khác, một không gian khác, nơi nước bạn, thiên thể tự nhiên ấy vẫn đẹp lung linh nhưng lại trở thành đối tượng để tác giả gửi gắm những suy tư: “*Tôi cứ ngắm vàng trắng to và xanh ngoài cửa sổ - Lặng lẽ rắc bụi vàng xuống thành Sô-phi-a*” (*Bài thơ nhỏ tặng Hoàng Thu Hà*). Trăng vẫn lung linh huyền ảo, thi vị nhưng như đã mang theo những nỗi niềm của chủ thể trữ tình khi xa xứ. Sự đan cài giữa ẩn tượng tuổi thơ với những trải nghiệm thực tế, giữa kỉ niệm với sự chiêm nghiệm về cuộc đời khiến câu thơ của Trần Đăng Khoa vừa thi vị, ám áp vừa giàu sức gợi, chẳng hạn bài *Hòn quê*: “*Gửi lại cánh rừng ngồn ngàng câu thơ lính - Làng quê ơi, hồn tôi lại trở về - Làm bạn với con bò ngơ ngơ nhìn mây nước - Dầu dãi mái nhà làng như mảnh đời quê*” (*Hòn quê*). Có thể thấy không gian

trong *Hòn quê* là một không gian đa chiều đi từ quá khứ đến hiện tại. Câu chuyện xa quê đi đánh giặc của người lính mười năm mới trở về mang theo cả một trời hoài niệm, nhớ nhung. Ngôn ngữ trong bài thơ thật gần gũi, thân quen, những từ ngữ *ao làng, bèo nở, hạt gạo mềm, con bò ngu ngơ, cây trúc, tiếng sáo diều* được sử dụng đặc địa, giàu sức gợi, bao nhiêu nhớ thương, ân nghĩa quê hương khiến vần thơ càng trở nên da diết. Mỗi lần đọc thơ ông, ta thấy được lòng quê quê hương ấm áp cả sự nhẹ nhàng, đầy khí chất của một tâm hồn nghệ sĩ. Dù có những thay đổi trong nhận thức, tư duy và trải nghiệm thực tế, thì ở các chặng đường sáng tác, đặc điểm ngôn ngữ thơ của Trần Đăng Khoa vẫn giữ một nét chung đó là tính chân thực, tự nhiên và giản dị. Trong thơ Trần Đăng Khoa, nhiều từ ngữ đã vượt ra nghĩa từ điển, nghĩa tự vị mang sắc thái và năng lực biểu đạt mới và tạo ấn tượng riêng, ví dụ: “*Biển vẫn chao như đưa nôi*”, “*Chia nhau nỗi nhớ nhà*”, “*tiếng võng chao trưa nắng*”... Với lối “làm chữ” đầy sáng tạo, Trần Đăng Khoa đã tạo nên cái duyên riêng, để lại những ấn tượng khó quên trong lòng bạn đọc.

Cùng với cách sử dụng ngôn ngữ độc đáo, cấu trúc thi phẩm thơ tự do của Trần Đăng Khoa cũng có cách tổ chức riêng. Tổ chức bài thơ bao gồm nhiều bình diện, nhiều cấp độ có quan hệ biện chứng giữa cấu trúc bên trong và bên ngoài; cấu trúc hình thức và nội dung. Trong đó, sự thay đổi một yếu tố nào đó sẽ kéo theo sự biến đổi các yếu tố khác. Xem xét tổ chức sinh thể thơ tự do của Trần Đăng Khoa qua tập *Bên cửa sổ máy bay*, dễ nhận thấy, cấu trúc hình thức của tập thơ rất đặc trưng, trong đó, 17/18 bài thơ tự do có chia khổ. Số lượng khổ thơ trong một bài, số dòng trong mỗi khổ thơ rất linh hoạt. Cụ thể:

STT	Tên bài thơ	Thơ tự do	
		Không chia khổ	Chia khổ
1	<i>Thơ tình người lính biển</i>		X (5 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
2	<i>Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài</i>		X (3 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
3	<i>Đoạn văn xuôi chép ở đảo Chìm</i>		X (8 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
4	<i>Hát về hòn đảo chìm</i>		X (4 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
5	<i>Cô tổng đài hải đảo</i>		X (3 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
6	<i>Lính đảo hát tình ca trên đảo</i>		X (10 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)

7	<i>Đội mưa trên đảo Sinh Tôn</i>		X (4 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
8	<i>Mẹ</i>		X (4 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
9	<i>Em vào đại học</i>		X (10 khổ thơ, 8 khổ 4 dòng, 2 khổ 2 dòng)
10	<i>Hồn quê</i>		X (5 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
11	<i>Về làng</i>	X	
12	<i>Ở nghĩa trang Văn Điển</i>		X (8 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
13	<i>Gửi một em nào đó</i>		X (3 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)
14	<i>Bức thư viết bên cửa sổ máy bay</i>		X (7 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
15	<i>Đến Vác-na nhớ Na-dim Hít-mét</i>		X (7 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
16	<i>Pa-blô Nê-ru-đa</i>		X (7 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
17	<i>Bài thơ nhỏ tặng Hoàng Thu Hà</i>		X (4 khổ, mỗi khổ dài ngắn khác nhau)
18	<i>Uống rượu với người bạn Nga</i>		X (10 khổ thơ, mỗi khổ 4 dòng)

Bảng khảo sát cách chia khổ trong thơ tự do của Trần Đăng Khoa qua tập thơ *Bên cửa sổ máy bay*

Bên cạnh những bài chia khổ truyền thống thường có bốn dòng, ví dụ, bài *Hồn quê*, *Lính đảo hát tình ca trên đảo*, *Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài*,... thì trong nhiều bài, số dòng ở mỗi khổ không hạn định. Ví dụ, bài *Hát về hòn đảo chìm* được chia thành bốn khổ thơ, số dòng ở mỗi khổ thơ không giống nhau, mỗi khổ thơ là một câu chuyện. Khổ một, gồm 45 dòng, là câu chuyện về đảo và chúng tôi – những người trực tiếp chứng kiến “*Tổ quốc của tôi đang âm thầm sáng tạo*”. Khổ hai, 21 dòng, gói ghém câu chuyện của những người lính đảo, họ từ những vùng quê khác nhau, quần tụ nơi đây, vượt lên mọi gian nan, nguy hiểm, cầm chắc tay súng, bảo vệ biển đảo. Khổ ba, 10 dòng, là câu chuyện về ý chí sắt son của những người trai mười tám, đôi mươi sâu sắc và vô tư, tinh táo và đắm say, mạnh mẽ và trầm tĩnh luôn sẵn sàng trước nhiệm vụ. Khổ cuối, 6 dòng, thấm đượm chất trữ tình với niềm tin giản dị về tình đồng chí, về sức mạnh của tuổi trẻ, tình yêu nước và ý thức bảo vệ và xây dựng đảo. Việc các câu thơ nối nhau liên tiếp cho thấy

một mạch cảm xúc liên hồi, đó là lời thì thầm, lời tâm sự, giải bày của người lính hải quân với thiên nhiên biển đảo và trách nhiệm của thế hệ mình. Bên cạnh đó, lặp cấu trúc cũng là cách tạo nhịp điệu, tạo âm vang đặc biệt trong thơ Trần Đăng Khoa. Có thể lấy ví dụ qua bài *Hát về hòn đảo chìm*. Mở đầu bài thơ là lời cảm thán, lời gọi thiết tha “*Đảo à, đảo ơi!*”, đến cuối đoạn, lời thì thầm ấy tiếp tục được vang lên như một vòng lặp. Câu thơ trở thành lời tâm tình, tiếng gọi tha thiết của người lính hải quân. Đảo không chỉ là một thực thể địa lí trong hải phận của chúng ta mà thực sự là người bạn, một phần rất thân thiết, là máu thịt không chỉ của người lính mà cho cả dân tộc Việt Nam. Mạch thơ vì thế vừa đậm chất tự sự vừa thấm đượm cảm xúc. Hay ở bài *Thơ tình người lính biển*, câu thơ “*Biển một bên và em một bên*” được lặp lại năm lần ở cuối mỗi khổ thơ như lời khẳng định tình yêu lớn tình yêu Tổ quốc, yêu biển đảo Tổ quốc và tình yêu em nồng nàn, tha thiết của lính biển. Không phải ngẫu nhiên, *Thơ tình người lính biển* đã được nhạc sĩ Hoàng Hiệp chấp bút phổ nhạc thành bài hát *Chút thơ tình người lính biển*. Sáng tạo thơ của Trần Đăng Khoa, một lần nữa đã minh định cho tư tưởng của Xuân Diệu: “tự do không phải thích làm gì thì làm”. Một mặt luôn tạo sự thoải mái phóng túng trong diễn đạt, mặt khác Trần Đăng Khoa đã chú ý đến xây dựng cấu trúc riêng cho những bài thơ tự do.

Văn chương là một hành trình vận động liên hồi không ngừng nghỉ nếu dập khuôn, máy móc thì sẽ chẳng thể có được sự khác biệt trong quá trình tạo ra những tác phẩm nghệ thuật. Bởi vậy mà tính sáng tạo là điểm mấu chốt cho sự thành công của một tác phẩm. Trần Đăng Khoa bằng trải nghiệm thực tế kết hợp trí tưởng tượng cùng với bút pháp nghệ thuật độc đáo đã tạo nên một tập thơ vô cùng xuất sắc. Tập thơ *Bên cửa sổ máy bay* với sự sáng tạo về cảm hứng và hình ảnh, ngôn ngữ và tổ chức bài thơ đã tạo nên những giá trị nghệ thuật, nhưng trên hết là tiếng lòng của người chiến sĩ với Tổ quốc, quê hương, với mẹ, đồng đội.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi đề cập tới những vấn đề chung về thơ tự do, khái lược sự phát triển, bước đi của thơ tự do Việt Nam. Thông qua khảo sát tập thơ *Bên cửa sổ máy bay*, nhóm nghiên cứu nhận diện và phân tích một số đặc điểm nổi bật trong thơ tự do của Trần Đăng Khoa ở các phương diện cơ bản: cảm hứng và hình ảnh, ngôn ngữ và tổ chức bài thơ. Từ đó có thể khẳng định, nếu cảm hứng là chất xúc tác, khơi nguồn cho những dòng cảm xúc thì ý thức sáng tạo nghệ thuật, xu hướng lựa chọn kiểu hình ảnh, ngôn ngữ, xây dựng một cấu trúc tự do với sự chia tách được thực hiện ở đa số các bài thơ đã tạo nên dấu ấn riêng trong cách tổ chức bài thơ của Trần Đăng Khoa. Đặc biệt, sự chia tách hình thức khung khổ thơ tự do giúp chuyển tải thành công những cung bậc tình cảm, tạo

sự đồng hiện những trạng thái cảm xúc, sự đa chiều trong cảm thức và tư duy thơ. Đây cũng là điểm đổi mới của thơ Việt Nam trước và sau những năm 1975, và với thơ Trần Đăng Khoa, thì đó là dấu ấn trong sáng tạo thi ca của nhà thơ chặng đường “bên cửa sổ máy bay”.

Từ những vấn đề lí luận về thơ tự do đến việc khảo sát các bài thơ này của Trần Đăng Khoa giúp ta hiểu biết thêm về thể thơ tự do. Bài báo này có tầm quan trọng đối với việc nghiên cứu chuyên ngành Ngôn ngữ học và văn học, góp phần giúp giáo viên định hướng cho học sinh vận dụng tri thức để đọc hiểu thơ tự do, đáp ứng yêu cầu dạy học theo hướng phát triển năng lực của chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 và phát triển kĩ năng đọc hiểu mở rộng theo thể loại. Trong tương lai, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu mở rộng nhiều khía cạnh về thể thơ này với mong muốn giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu về thơ tự do.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho Đề tài Khoa học, mã số: SV.2022.HPU2.22

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/KNfGVJAhcwuS2Uk#pdfviewer>.
2. Nguyễn Việt Chiến (2017), *Nhà thơ Trần Đăng Khoa với mảng thơ về quần đảo Trường Sa*, Công an nhân dân Online, <https://cand.com.vn/Tu-lieu-van-hoa/Nha-tho-Tran-Dang-Khoa-voi-mang-tho-ve-quan-dao-Truong-Sa-i454836/,16/11/2017>.
3. Bùi Thị Thanh Hương (2009), *Thể thơ tự do trong thơ trữ tình Việt Nam 1975-2000*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thu Hương, Đỗ Thị Hạnh (2022) *Dạy học đọc hiểu thơ tự do cho học sinh lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: *Nghiên cứu Giáo dục*, Tập 38, số 3 (2022), trang 61-71, <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4701>.
5. Trần Đăng Khoa (1985), *Bên cửa sổ máy bay*, NXB Tác phẩm mới.
6. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
7. Hồ Thị Thu Thanh (2012), *Thế giới nghệ thuật thơ Trần Đăng Khoa sau 1975*.
8. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

**CHARACTERISTICS OF TRAN DANG KHOA'S FREE POETRY
(THROUGH THE POETRY BOOK *AT THE PLANE WINDOW*)**

*La Nguyet Anh, Trinh Thi Duyen, Hoang Thu Huyen,
Vu Thi Thanh Huyen*

Abstract: *Free verse always has its own advantages in expressing emotions, being liberal and flexible in form. Therefore, free verse is the choice of many international and Vietnamese poets. In the volume *By the plane window* of Tran Dang Khoa, this form of poetry appears with great frequency (18/26 songs). In *Philology 11 - The Kite Book*, the poem *Island soldiers sing love songs on the island* by Tran Dang Khoa is selected as a reading material for free verse. To conduct this study, we used statistical survey and meta-analysis methods to find out some characteristics of Tran Dang Khoa's free verse composition. The article contributes to help orient students to apply knowledge to read and understand free verse in general and have better understanding about free verse in Tran Dang Khoa's volume of poems *By the plane window*.*

Keywords: *Free verse, volume of poems *By the plane window*, characteristics of Tran Dang Khoa's free poetry.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-4-2024; ngày phản biện đánh giá: 20-4-2024;
ngày chấp nhận đăng: 15-5-2024)*